

Số: 516 /TB - CCTHADS

Văn Lâm, ngày 07 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO
VỀ KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2021/QĐST-KDTM ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 02/QĐ-CCTHADS ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế số 10/QĐ-CCTHADS ngày 28/3/2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm;

Căn cứ kết quả Chứng thư thẩm định giá số 435/2025/0232 ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Tâm Việt

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 26 tháng 04 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức bán đấu giá tài sản.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên lựa chọn Công ty Đấu giá Hợp danh Bảo Phong, tầng 5 và 6, số 167 An Trạch, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Chi nhánh tại Hưng Yên, số 153 Lê Thanh Nghị, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (giấy đăng ký hoạt động số 89/TP- ĐKHHĐ được Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên cấp ngày 07/01/2021, cấp đổi lần 7 ngày 28/4/2025 đăng ký cung cấp dịch vụ bán đấu giá)

Để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản các tài sản đã kê biên sau:

- Xe ô tô tải pickup cabin kép nhãn hiệu Toyota Hilux, số khung 29G902562965, số máy 1KDU660729, màu bạc, biển kiểm soát số 89C-068.76, đăng ký xe ô tô số 003532 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 16/01/2015, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.0014/TC-VCB.HY ngày 19/01/2015. Giá trị thẩm định là : 233.497.000 đồng (Hai trăm ba mươi ba ba triệu, bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn)

- Xe ô tô tải pickup cabin kép nhãn hiệu Toyota Hilux E, số khung 8DD1F0395035, số máy 2KDS572470, màu bạc, biển kiểm soát số 89C-098.63, đăng ký xe ô tô số 009806 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 18/12/2015, phụ kiện lắp đặt thùng cao theo xe, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.0022/TC-VCB.KH ngày 23/12/2015. Giá trị thẩm định là : 198.400.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn)

- Xe ô tô khách nhãn hiệu Ford Transit, số khung TGMCF LR36740, số máy RATORQ4D243H, màu bạc, biển kiểm soát số 89B-006.07, đăng ký xe ô tô số 005541

do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 09/6/2015, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.0147/TC-VCB.HY ngày 11/06/2015. Giá trị thẩm định là : 261.400.000 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn)

- Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, số loại Innova, số khung 42G5F9419952, số máy 1TR8826683, màu bạc, biển kiểm soát số 89A-059.82, đăng ký xe ô tô số 006759 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 07/8/2015, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.0240/TC-VCB.HY ngày 10/08/2015. Giá trị thẩm định là : 315.000.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu đồng chẵn)

- Xe nâng hàng Komatsu, model: FD30T-17, số khung M229-328835, xuất xứ Nhật Bản, trọng lượng nâng 3.0 tấn, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 14.0201/TC-VCB.HY ngày 13/10/2014. Giá trị thẩm định là : 37.520.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)

- 02 Thiết bị cách ly sùi ả gia cầm mới nở dùng trong phòng thí nghiệm, theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 15.0156/TC-VCB.HY ngày 23/06/2015. Giá trị thẩm định là : 1.814.400 đồng (Một triệu, tám trăm mười bốn nghìn, bốn trăm đồng)

* Tổng kết quả thẩm định giá tài sản nêu trên là: 1.048.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu đồng chẵn)

Vậy, thông báo để các bên bên đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Nguyễn Thị Tình

Văn Lâm, ngày 07 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá:

- Xe ô tô tải pickup cabin kép nhãn hiệu Toyota Hilux, số khung 29G902562965, số máy 1KDU660729, màu bạc, biển kiểm soát số 89C-068.76, đăng ký xe ô tô số 003532 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 16/01/2015, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.0014/TC-VCB.HY ngày 19/01/2015. Giá trị thẩm định là : 233.497.000 đồng (*Hai trăm ba mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn*)

- Xe ô tô tải pickup cabin kép nhãn hiệu Toyota Hilux E, số khung 8DD1F0395035, số máy 2KDS572470, màu bạc, biển kiểm soát số 89C-098.63, đăng ký xe ô tô số 009806 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 18/12/2015, phụ kiện lắp đặt thùng cao theo xe, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.0022/TC-VCB.KH ngày 23/12/2015. Giá trị thẩm định là : 198.400.000 đồng (*Một trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn*)

- Xe ô tô khách nhãn hiệu Ford Transit, số khung TGMCFRLR36740, số máy RATORQ4D243H, màu bạc, biển kiểm soát số 89B-006.07, đăng ký xe ô tô số 005541 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 09/6/2015, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.0147/TC-VCB.HY ngày 11/06/2015. Giá trị thẩm định là : 261.400.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi một triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn*)

- Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, số loại Innova, số khung 42G5F9419952, số máy 1TR8826683, màu bạc, biển kiểm soát số 89A-059.82, đăng ký xe ô tô số 006759 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 07/8/2015, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.0240/TC-VCB.HY ngày 10/08/2015. Giá trị thẩm định là : 315.000.000 đồng (*Ba trăm mười lăm triệu đồng chẵn*)

- Xe nâng hàng Komatsu, model: FD30T-17, số khung M229-328835, xuất xứ Nhật Bản, trọng lượng nâng 3.0 tấn, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 14.0201/TC-VCB.HY ngày 13/10/2014. Giá trị thẩm định là : 37.520.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn*)

- 02 Thiết bị cách ly sùi ả gia cầm mới nờ dùng trong phòng thí nghiệm, theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 15.0156/TC-VCB.HY ngày 23/06/2015. Giá trị thẩm định là : 1.814.400 đồng (*Một triệu, tám trăm mười bốn nghìn, bốn trăm đồng*)

2. Giá khởi điểm: Tổng kết quả thẩm định giá tài sản nêu trên là: 1.048.000.000 đồng (*Một tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu đồng chẵn*)

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty Đấu giá Hợp danh Bảo Phong, tầng 5 và 6, số 167 An Trạch, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Chi nhánh tại Hưng Yên, số 153 Lê Thanh Nghị, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Tổng số điểm 92 điểm.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	Công ty Đấu giá hợp danh Bảo Phong
I	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	19,0
I	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư Pháp	2,0	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0	16,0

1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi cao và hiệu quả cao	4,0	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùn giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0	54,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	15,0	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0	
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0	
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0	
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	7,0	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0	
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0	
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0	
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)	7,0	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0	
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0	

3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0	
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm	3,0	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$		
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$		
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	6,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0	
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	4,0	3,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0	
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0	
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị	4,0	4,0

	định số 05/2025/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
7.1	Dưới 05 năm	2,0	
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0	
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5,0	4,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0	
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0	
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0	5,0
9.1	Dưới 50 hợp đồng	3,0	
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0	
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0	3,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật		

	Đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)		
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó		
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh		
4.	Tiêu chí khác: Đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp vào Ngân sách Nhà nước năm trước liền kề nhiều nhất	3,0	3,0
Tổng số điểm		100	92

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân. Huyện Văn Lâm;
- Lưu: VT, HSTHA.



CHẤP HÀNH VIÊN

Nguyễn Thị Tinh